TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM THỦY** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 53/2018/QĐST-HNGĐ	*Cẩm Thủy, ngày 20 tháng 4 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 28/2012/TLST/HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2012, giữa:

Nguyên đơn: Anh Phạm Đình Th

Địa chỉ: Thôn 11 P, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H

Địa chỉ: Thôn 11 P, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55 và điều 131 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 4 năm 2018

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Anh Phạm Đình Th sinh năm 1970

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hi sinh năm 1977

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Đình Th và chị Nguyễn Thị H.

- Về con cái**:** Vợ chồng thống nhất có một con chung Phạm Thị Th, sinh ngày 20/6/1996.

Công nhận sự thỏa thuận nuôi con chung giữa anh Th và chị H như sau: Cháu Phạm Thị Th đã thành niên, cháu muốn ở với ai là tùy nguyện vọng của cháu. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Hai bên thống nhất không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: áp dụng khoản 3, khoản 4 điều 147 - BLTTDS, điểm a khoản 1 điều 24, khoản 11 điều 27 và khoản 4 điều 18- Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án. Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Anh Th và chị H mỗi người phải chịu 50.000đ án phí DSST. Anh Th nhận nộp cho cả hai người. Anh Th đã nộp 200.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2010/004114 ngày 19/6/2012 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy được trừ vào tiền án phí DSST. Như vậy, anh Th còn được nhận lại 100.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Cẩm Thủy
- UBND xã C, huyện. C.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Vũ Thị Ánh Tuyết